Sharing experience on Fisheries co-management in Viet Nam

Lap, Dinh Xuan

International Collaborating Centre for Aquaculture and Fisheries Sustainability (ICAFIS) | Vietnam Fisheries Society (VINAFIS)

Floor 3, Block A7, No. 10 Nguyen Cong Hoan St, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam |

Website: http://icafis.vn/ email: lap.dinhxuan@icafis.vn

Contents

1. Limitations of fisheries management of vietnam
2. Co-management is inevitable path for small- scale fisheries
3. Experiences from fisheries co-management model in vietnam
4. The lessons learned

LIMITATIONS OF FISHERIES MANAGEMENT OF VIETNAM

- Complexity: Vietnam 3260 km of coasts, over one million km2 area; 2730 lakes/lagoon – 434.600 ha; 2360 rivers.
- Vietnam fisheries: small-scale; human and financial resources for management are limited; 67 patrol boat to observer 131.000 fishing vessels.
- Inland fisheries department in provincial levels just set up in 2009 and more focus on aquaculture.
- Fisheries inspectors and fisheries staff are not enough to control all Vietnam water area
- Lack of inspection's equipments

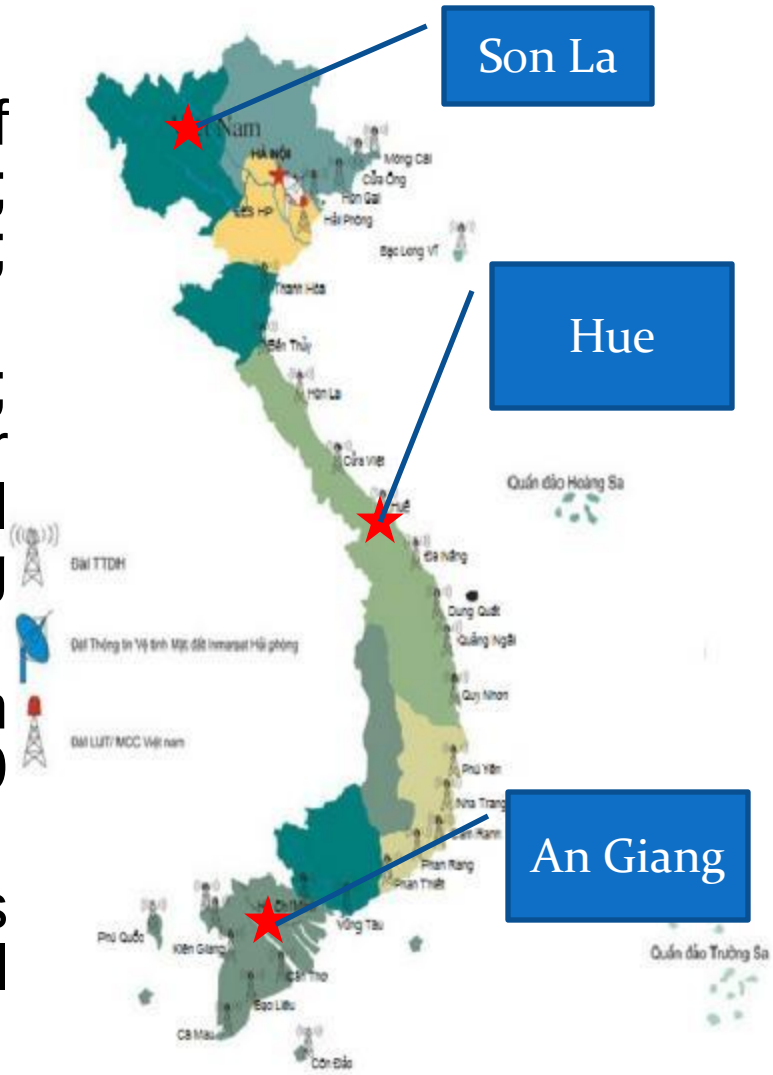

- The **rules/regulations** for management and protection of fisheries resources is **not strong enough**.
- **Laws, regulations** on capture fisheries and fisheries resources protection are issued but **not yet implemented strictly**.
- The **cost for management** system in monitoring, control, inspection of fishing activities is **very expensive.**
- **That why Vietnam is facing key problems:**
  - Over-capacity & overfishing
  - Conflicts of nearshore fishing and trawlers
  - IUU including destructive fishing (electric, dynamine, cyanide fishing)

Co-management is inevitable path for small-scale fisheries

- Vietnam **do not have enough resources** to manage over one million km2, over 131.000 fishing vessel.
- ***Why we do not base on community, give the right for community in supporting for Government in management?***
- Co-management method has been proven effective for the management of inland fisheries and coastal waters have many exploiting purposes and different uses.

EXPERIENCES FROM FISHERIES CO-MANAGEMENT MODEL IN VIETNAM

Model in Quy Huong – Moc Chau – Son La

Description

Water area in Hoa Binh's hydropower reservoir , 600 ha.

Quy Huong is a poor commune, in National 135 program, with 234 household, 70% poor household, mostly ethnic minority (Thai, Muong)

Livelihood: Agriculture, aquaculture and capture fisheries

SUCCESS AND CHALLENGES

- **ISSUES**
- Destructive fishing, resource depletion
- Resources use conflict
- **SUCCESS**
- Raising awareness and capacity
  Enhanced cooperation among the stakeholders
- New livelihood: aquaculture cage
- Resources: Resources assessment and mapping
- Policy: Community fisheries regulation

- **REMAIN ISSUES**
- Aquaculture cages less successful, less invasive control of destructive fishing, no recovery resources, not reduce conflict
- No fishing right is granted, No community fisheries regulation approval, no boundary demarcation
- **DIFFICULTIES**
- Awareness & low investment, poor communes, water quality of reservoir not good for aquaculture
- **CAUSES**
- Policy frame
- Project M&E

Organizing map and stakeholder participation

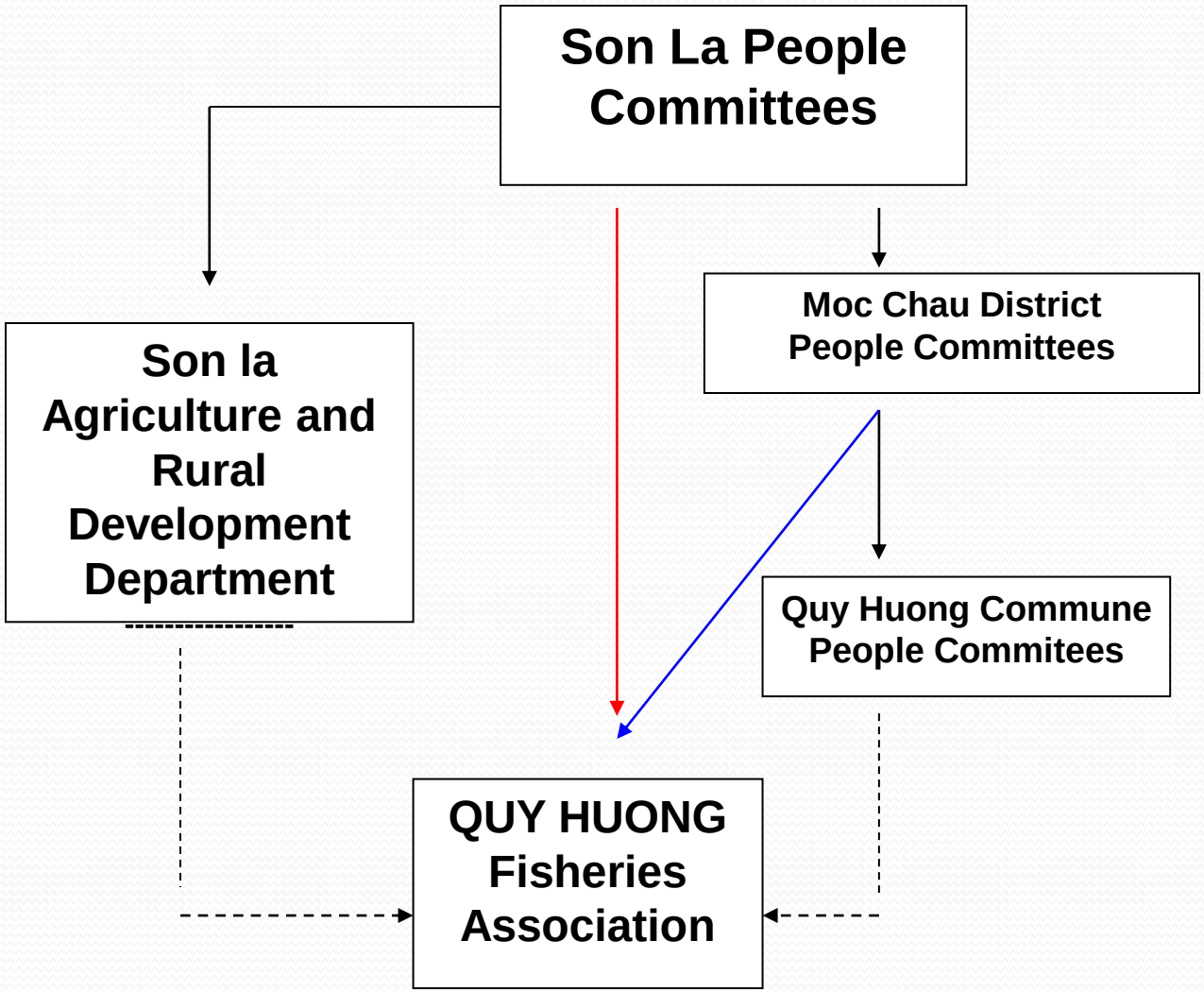

Model in – Quang Loi, Quang Dien, Thua-Thien Hue

- **Description**
- Water area is a lagoon with 900 ha.
- Main livelihood is capture fisheries with small boats
- Communities around the lagoon basically poor, education limitations. Poverty rate 27%.

SUCCESS AND CHALLENGES

- **ISSUE**
- Destructive fishing, resource depletion Resources conflict
- **SUCCESS**
- More awareness, capacity, copperation (The role of fisher)

Livelihood: Sanctuary

- Conserve: submerged vegetation, building conservation areas Fishing . Destroy fishing (8 crops),reduce dispute, resource recovery.
- Give fishing right “Base on Decision 4620/2005/ QĐ-UB date 19/12/2005”

- **REMAIN ISSUES**
- Still existing some destructive fishing gear
- The livelihood slow development and haven’t diversity
- Ecotourism: there are some families enough condition join
- **DIFFICULTIES**
- Poor households:31.3%.., High destructive fishing, economic crisis > labour
- **CAUSE**
- The re-arrangement planning for fish corral was late implemented=> effect to model.

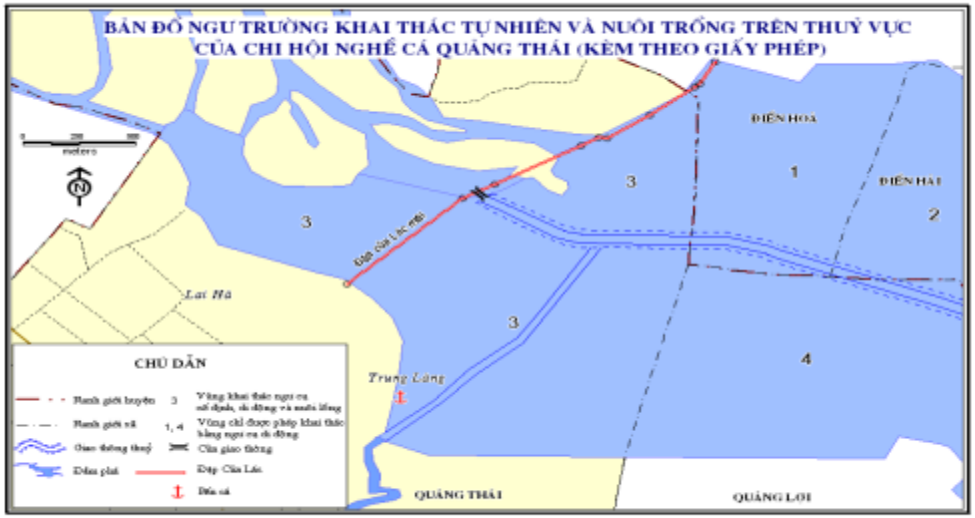

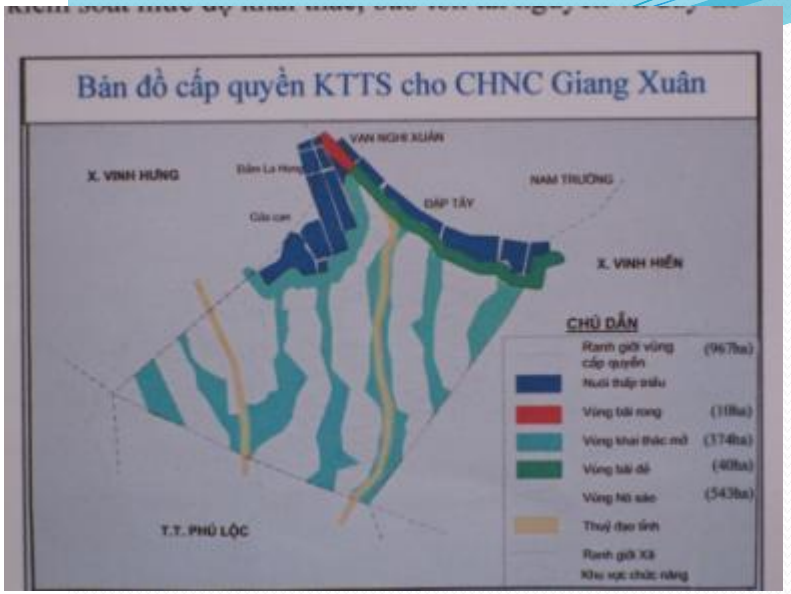

HỘI NGHỀ CÁ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THẺ HỘI VIÊN

Ảnh 3x4

Họ và tên: .....
Năm sinh: .....
Nơi thường trú: .....
Số CMND: .....
Là Hội viên thuộc Chi hội: .....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...
TM BCHTW HỘI NGHỀ CÁ VIỆT NAM
Chủ tịch

Vũ Đình Liệu

Số thẻ: ..... /HNCVN

QUI CHẾ BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỢI THUỶ SẢN
CHI HỘI NGHỀ CÁ GIANG XUÂN
(Lược trích)

Qui chế đã được toàn thể hội viên thông qua ngày 20/2/2009 và cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Quyết định Cấp quyền Khai thác Thủy sản số 942/QĐ ngày 4/5/2009 của UBND Huyện Phú Lộc

Điều 1: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài xã Vinh Giang đều có thể đăng ký và khai thác thủy sản trong vùng đầm phá cấp cho Chi hội, nếu tuân theo qui chế này.

Điều 7: Hộ nò sáo chỉ được đăng ký 1 trộ/hộ đóng theo dạng chữ V và 1 nghề khai thác di động có tối đa 40 cheo lừ/hộ hoặc 20 tay lưới/hộ.

Điều 8: Hộ chuyên khai thác di động được đăng ký 2 nghề. Hộ trong xã có tối đa 80 cheo lừ/hộ và 40 tay lưới/hộ. Hộ ngoài xã có tối đa 40 cheo lừ/hộ và 20 tay lưới/hộ.

Điều 9: Chiều dài sáo tối đa là 350 m. Chiều rộng miệng sáo 150 mét. Khoảng cách cánh sáo giữa 2 trộ nò sáo tối thiểu 50 m. Khoảng cách giữa 2 dãy nò sáo là 150 m.

Điều 11: Kích thước mắt lưới đối với nò và lừ 2a =18 mm

Điều 12: Không được khai thác thủy sản trên các đường giao thông chính

Điều 15: Các chủ trộ nò sáo được quyền dành riêng khai thác di động trong diện tích tiểu vùng nò sáo nhưng phải tuân thủ quy mô tại Điều 7.

Điều 16: Các hộ chuyên di động được quyền dành riêng khai thác trên các đường thủy đạo, các tiểu vùng đệm, và các lệch sáo, nhưng phải cách nò và cánh sáo 20 m.

Điều 17: Không được khai thác thủy sản trong tiểu vùng bãi rong từ tháng 12 đến tháng 6 âm lịch và trong tiểu vùng bãi giống-bãi đẻ từ tháng 12 đến tháng 3 âm lịch.

Điều 18: Các hộ khai thác thủy sản phải nộp phí bảo vệ tài nguyên: Nò sáo vị trí tốt 200.000 đ/trộ/năm; vị trí khá 150.000 đ/trộ/năm; vị trí khác 100.000 đ/trộ/năm.

Điều 19: Các hộ chuyên di động trong xã nộp 120.000 đ/hộ/năm. Các hộ nò sáo có khai thác di động nộp thêm 60.000 đ/hộ/năm. Các hộ ngoài xã có đăng ký khai thác cả năm nộp 240.000 đ/hộ/năm, nếu khai thác theo tháng nộp 100.000 đ/hộ/tháng

Điều 21: Chi hội có trách nhiệm tổ chức thu phí bảo vệ nguồn lợi và được trích lại 50% cho hoạt động bảo vệ nguồn lợi và xây dựng quỹ để phòng rủi ro của Chi hội.

Điều 22: Chi hội tổ chức tuần tra định kỳ hoặc đột xuất để bảo vệ nguồn lợi và xử lý vi phạm qui chế. Hội viên không tham gia tuần tra phải nộp 100.000 đ/đợt.

Điều 23: Hội viên vi phạm qui chế sẽ bị xử lý theo cam kết: Lần 1 nộp 50.000đ vào quỹ Chi hội và bị khiển trách trước phân hội. Lần 2 nộp 100.000đ và bị cảnh cáo trước Chi hội. Lần 3 nộp 200.000đ và bị khai trừ khỏi chi hội. Người vi phạm không phải hội viên sẽ không được tiếp tục khai thác trong vùng đầm phá của Chi hội. Nếu vi phạm nghiêm trọng Chi hội đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý.

Chi Hội Nghề cá Giang Xuân – xã Vinh Giang

ĐỒNG QUẢN LÝ THỦY SẢN DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
VINH GIANG – THỪA THIÊN HUẾ

1. Chủ thể quyền khai thác thủy sản: Chi hội nghề cá Giang Xuân – xã Vinh Giang

Chi hội nghề cá Giang Xuân, thuộc Hội Nghề cá Thừa Thiên Huế (HUEFIS), Hội Nghề cá Việt Nam (VINAFIS) được thành lập năm 2008. Chi hội là một tổ chức xã hội nghề nghiệp thu hút sự tham gia của các hộ sản xuất thủy sản. Chi hội có 110 hội viên (chiếm 80% số hộ trong thôn), BCH và 3 phân hội: Nuôi trồng thuỷ sản, Khai thác cố định, và Khai thác di động.

Chi hội nghề cá Giang Xuân được cấp quyền khai thác thuỷ sản trên 967 Ha đầm phá thuộc địa phận xã Vinh Giang theo y theo Quyết định số 942/QĐ ngày 4/5/2009 của UBND Huyện Phú Lộc

2. Nội dung cấp quyền và quy hoạch quản lý thuỷ sản.

-Vùng đầm phá được phân thành các tiểu vùng và cấp quyền cụ thể trên từng tiểu vùng (Bản đồ). Các tiểu vùng có chức năng cụ thể nhằm tăng mức kiểm soát mức độ khai thác, bảo tồn tài nguyên và duy trì tiếp cận nguồn sinh kế của các hộ ngư dân truyền thống sống dựa vào thủy sản.

Bản đồ cấp quyền KTTS cho CHNC Giang Xuân

-Số trộ nò sáo được phép là 56 trộ. Hiện có 90 trộ. Sắp xếp lại nò sáo sẽ được thực hiện năm 2009.

-Số hộ khai thác di động được phép là 122 hộ, tương đương số hộ hiện tại. Khai thác di động được quy hoạch trên các tiểu vùng khác nhau không ảnh hưởng nò sáo.

-Vùng chức năng bảo tồn (bãi giống, bãi đẻ và trồng rau câu) được bảo vệ, cấm khai thác trong mùa sinh sản của tôm cá.

-Hoạt động khác theo quy chế hiện hành.

3. Qui chế bảo vệ và khai thác thuỷ sản:

- Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài xã Vinh Giang đều có thể đăng ký và thực hiện khai thác thủy sản trong vùng đầm phá cấp cho Chi hội theo qui chế bảo vệ và khai thác thủy sản đã xây dựng.

-Hộ nò sáo chỉ được đăng ký 1 trộ nò/hộ và 1 nghề di động tối đa 40 cheo lừ hoặc 20 tay lưới/hộ.

-Hộ chuyên khai thác di động được đăng ký tối đa 2 nghề, tối đa là 80 cheo lừ và 40 tay lưới /hộ

-Kích thước mắt lưới nò và lừ 2a =18 mm.

-Các hộ đăng ký khai thác thuỷ sản trong vùng đầm phá đã cấp cho Chi hội phải đóng phí bảo vệ tài nguyên. Chi hội thu phí và được sử dụng 50% phí thu được cho bảo vệ tài nguyên.

-Chi hội tiến hành tuần tra định kỳ và đột xuất để kiểm tra tình hình thực hiện qui chế. Các trường hợp vi phạm sẽ được xử lý theo cam kết trong điều lệ chi hội hoặc đề nghị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Đơn vị hỗ trợ : Dự án Đồng Quản lý tài nguyên (CPRM)

Co-management model – Bung Binh Thien, An Giang

Background

This is a fresh water body with 200-600ha.

Resources: fish in Mekong delta. The community around Bung Binh Thien is still poor, poverty 17.8% , limited awareness.

Main is Cham people (Islamic) in 03 communes surround the Bung Binh Thien (Khanh Binh, Quoc ThaiP Nhon Hoi).

Co-management model – Bung Binh Thien, An Giang

Result

✧Raising Awareness, capacity building, the true cooperation between parties

✧Development the livelihood (Aquaculture, traditional craft, tourism)

✧Conduct the basic research (Ecology, environment, …)

✧ Receive strongly support from the community and government, stakeholders.

✧Highly integrated with other Agriculture programs in province

Co-management model – Bung Binh Thien, An Giang

ISSUE

Destructive fishing, conflict in resources using between capture fisheries and Aquaculture.

SUCCESS

✧Resource have high value ecological, economic.

✧ The Steering committee members and core group are enthusiastic.

✧ Receive strongly supports from community and the stakeholders

DIFFICULTIES

✧Awareness of the residents is low (the Cham of people), some people still using destructive fishing gear.

✧Difficult traffic.

✧The poverty is high

✧**CAUSES**

✧The problem about environment

✧ Destructive fishing gear

✧ Don’t have plan for cage aquaculture

17

Organizing map and stakeholder participation

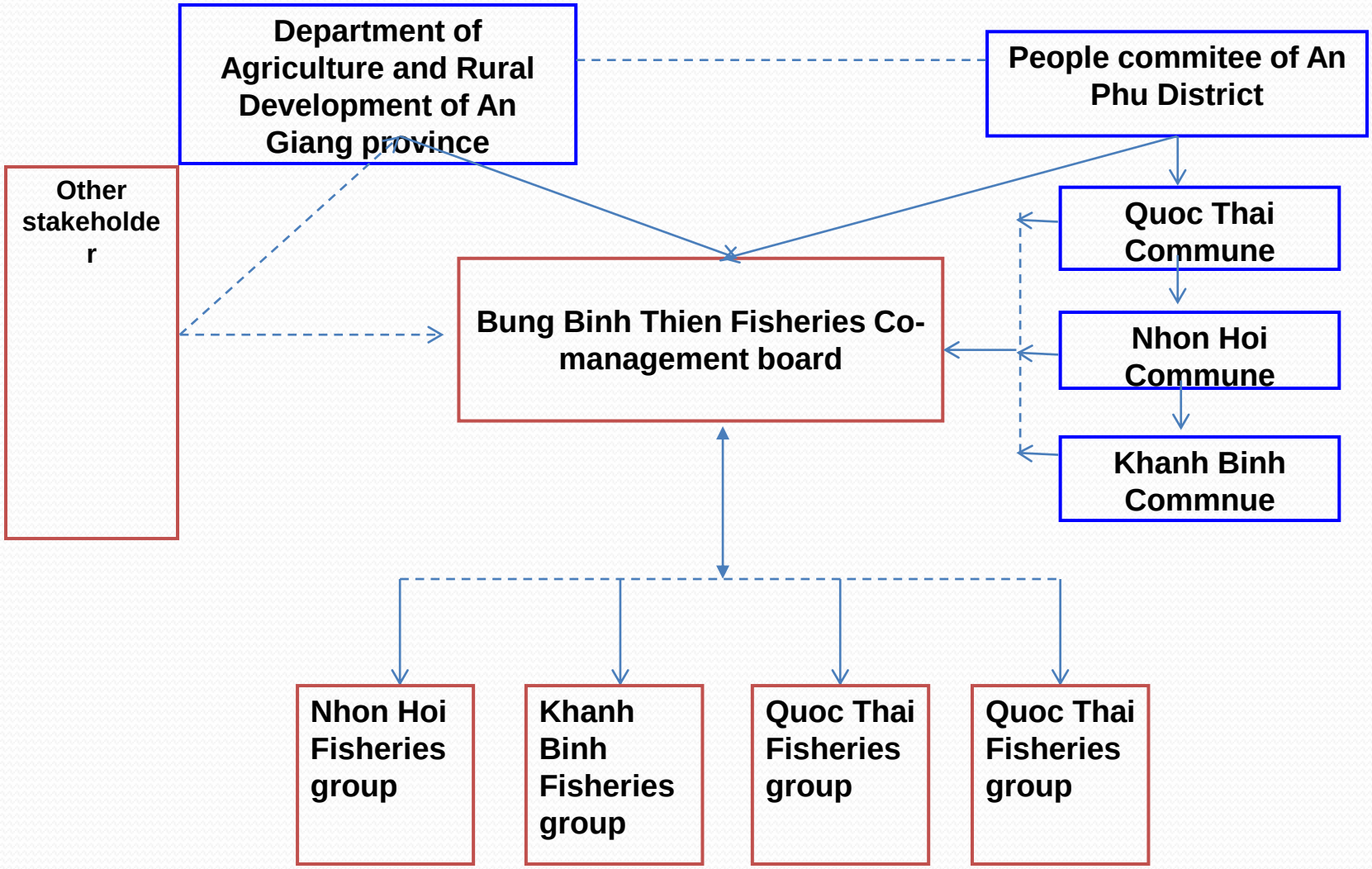

THE LESSONS LEARNED

a. **Clearly define the scope of management, object and management subject**

The determination of the scope of management, targets and driver for management decision to the success of the model.

Scope Management Plan? What is the **managed object** ? **Who is the participation** in management? This is the questions that need to answer clear to ensure for the successful the management model.

b. Raising awareness for the parties (direct and indirect) engage in management (include community, government officer)

Raising awareness is not only about economic, politic, social, resource, environment, but also the knowledge on shared management, and community development.

- **c. Raising capacity for the parties**
- **Management Capacity** must be priority, integrated methods of management (development of management regulations, planning and implementing).
- **d. Chose the key members for Local Management Board and group in communities.**
- Must choose the members are **qualified and conditions** for participation in core groups so that they can perform their tasks and to motivate and involve the community to implement the model.

- **e. Develop mechanisms for management**
- Development management mechanism based on the following criteria: **effectiveness; encourage the participation of all stakeholders**, especially community; ensure fairness to all parties involved.
- **f. Legal conditions to implement model.**
- Regulation of co-management model must **not be contrary** to the current legislation, but also has the distinctions in **accordance with local conditions** so the regulation should have agreement and supporting of government, especially the commune authorities.

- The model need the **positive and responsible participations from Government** while solve the problems of sanctions, approval of the management regulations and management board. But does not interfere deeply into the management activities of the local community.
- **g. Development of alternative livelihoods:**
- Need to find **alternative livelihoods** for the people from the starting of the model, ensuring life for the people, the co-management model for success and sustainability.

MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

NATIONAL GUIDELINES ON SMALL SCALE FISHERIES CO-MANAGEMENT

Ha Noi, 2009

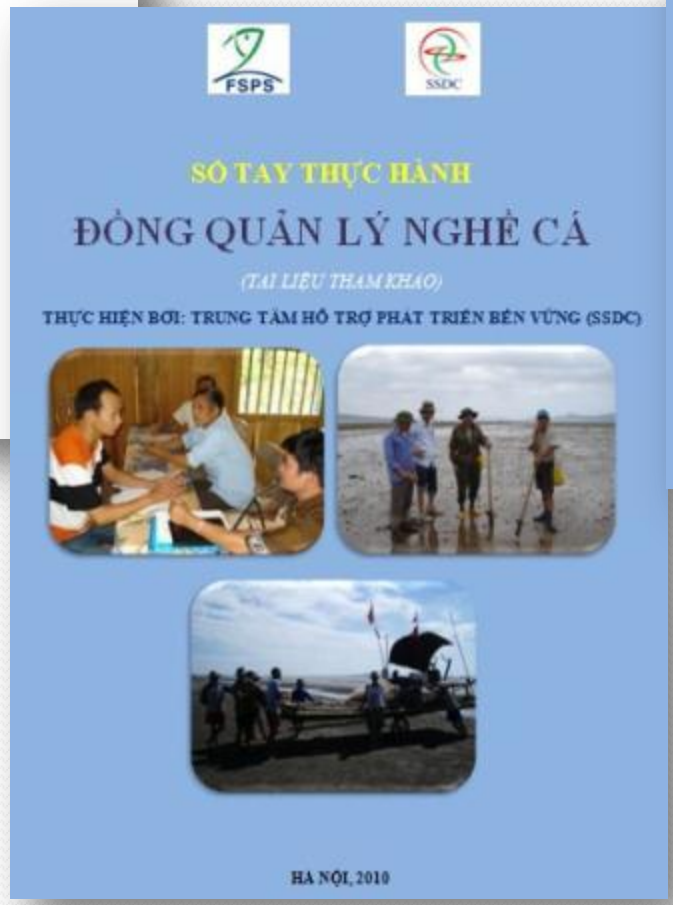

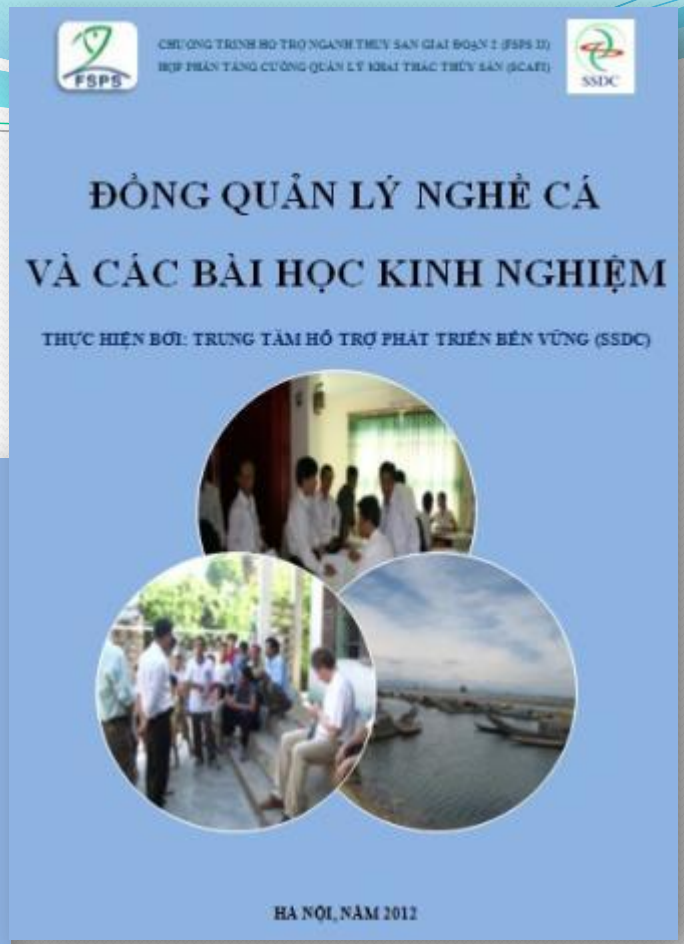

THANK YOU!

Dinh Xuan Lap (Mr.): Program Coordinator

International Collaborating Centre for Aquaculture and Fisheries Sustainability (ICAFIS) | Vietnam Fisheries Society (VINAFIS)

Mobile: +84-985024307 || Skype: dinh.lap1 | Email: lap.dinhxuan@icafis.vn